

Bản án số: 54/ 2024/ DS-ST
Ngày: 18.9.2024
V/v “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Danh Phú và Ông Nguyễn Bá Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Ông Luyện Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2023/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36 ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: G T, phường T, Quận H, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H; Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q; Chức danh: P.Giám đốc chi nhánh P; Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Lê Việt C, Chức vụ: P.Giám đốc Phòng G. Theo văn bản ủy quyền số: 10/VBUQ-SHB.NA ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc S1 chi nhánh N. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Công D, Chức vụ: Chuyên viên bán nợ và tào sản đảm bảo nợ khối quản lý và xử lý nợ có vấn đề S1. Theo văn bản ủy quyền số: 01/VBUQ-SHB.NA ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc S1 chi nhánh N. Vắng mặt.

3. Nguyễn Khắc T, Chuyên viên quản trị nợ, khối quản lý và xử lý nợ có vấn đề S1. Theo văn bản ủy quyền số: 02/VBUQ-SHB.NA ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc S1 chi nhánh N. Có mặt.

Bị đơn: 1. Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2. Chị Hà Thị Q1, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Đều cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày: Ngân hàng TMCP S (S1), Chi nhánh N, P1 và vợ chồng anh Phạm Văn H1, chị Hà Thị Q1 đã ký và thực hiện hợp đồng tín dụng cấp hạn mức vay vốn như sau: Ngày 14/02/2023, anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 đã ký và thực hiện hợp đồng tín dụng cấp hạn mức vay vốn số 23/2023/HĐHM-CN HSB.120207 với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền: 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng thủy sản; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 14/02/2023; Lãi suất cho vay (VND/ngoại tệ): Chi tiết cụ thể theo từng Khế ước nhận nợ; Số tiền SHB đã giải ngân và anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 đã nhận nợ: 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Tài sản bảo đảm cho khoản vay, cụ thể: Quyền sử dụng đất 255 m² đất tại Thửa đất số 79 (Tách từ thửa số 24); tờ bản đồ số 32 tại Xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 644062 do UBND huyện Y cấp ngày 09/07/2019 cho anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1. Tài sản này đã được thế chấp tại SHB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 107/2020/HĐTC-CN/HSB.120207; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số PL 01-107/2020/HĐTC-CN/HSB.120207 ngày 14/02/2023 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho S1, S1 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh, chị trả nợ nhưng vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 18/9/2024 anh, chị đã trả được 53.760.723 đồng tiền lãi và còn nợ cả gốc và lãi là 625.449.389 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.219.874 đồng và lãi quá hạn là 71.229.515 đồng. Đối với bên bảo đảm đồng thời là khách hàng vay, S1 đã yêu cầu chủ tài sản thực hiện nghĩa vụ của Bên bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 107/2020/HĐTC-CN/HSB.120207; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số PL 01-107/2020/HĐTC-CN/HSB.120207 ngày 14/02/2023 đã ký với S1. Tuy nhiên Bên bảo đảm đồng thời là khách hàng vay luôn trốn tránh nghĩa vụ của bên bảo đảm theo Hợp đồng, không hợp tác, cố ý không thực hiện nghĩa vụ trả thay và không bàn giao tài sản bảo đảm cho S1 xử lý theo đúng thỏa thuận. Như vậy, tại thời điểm hiện nay, Bên vay đồng thời là Bên bảo đảm đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với S1 theo các Hợp đồng, văn bản đã ký với S1.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, SHB yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An giải quyết các yêu cầu sau:

1. Ngân hàng TMCP S (S1) yêu cầu Tòa án buộc Vợ chồng anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày

18/9/2024 anh, chị đã trả được 53.760.723 đồng tiền lãi và còn nợ cả gốc và lãi là 625.449.389 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.219.874 đồng và lãi quá hạn là 71.229.515 đồng và các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi khách hàng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Trường hợp anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 255 m² đất tại Thửa đất số 79 (Tách từ thửa số 24); tờ bản đồ số 32 tại Xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 644062 do UBND huyện Y cấp ngày 09/07/2019 cho anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 để thu hồi nợ. Nếu tài sản phát mại không đủ thanh toán thì anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 tiếp tục có nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi và phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 đều vắng mặt không có lý do. Ngay sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, nhiều lần báo anh H1 và chị Q1 đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng không ai có mặt tại Tòa án để làm việc và có biểu hiện cố tình trốn tránh.

Tòa án đã trực tiếp nhà bị đơn, liên lạc thông qua điện thoại thông báo cho bị đơn biết để trực tiếp toà án làm việc hoặc gửi bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng cả hai vợ chồng đều không có mặt. Nguyên đơn đã đề nghị Toà án thu thập các tài liệu chứng cứ để sớm đưa vụ án ra xét xử.

Đến ngày 01/8/2024 bị đơn là chị Hà Thị Q1 có mặt tại Toà án nộp bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vụ án và phiên họp hoà giải.

Nội dung ý kiến của bị đơn trình bày như sau: Bị đơn thừa nhận vợ chồng có vay Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền 550.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng cấp hạn mức vay vốn số 23/2023/HĐHM-CN HSB. 120207 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 107/2020/HĐTC-CN /HSB.120207 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số PL 01-107 /2020/HĐTC-CN/HSB.120207 ngày 14/02/2023 đã ký với S1. Tạm tính đến ngày 31/7/2024 anh, chị đã trả được 53.760.723 đồng tiền lãi và còn nợ cả gốc và lãi là 615.398.478 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, quá hạn gốc là 65.398.478 đồng đúng như Ngân hàng trình bày. Nhưng do làm ăn thua lỗ không có tiền trả lãi cho ngân hàng nên xin ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng có thời gian làm để trả nợ. Vợ chồng cũng đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Toà án nhưng do làm ăn xa, khó khăn nên không đi trình bày được.

Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp thể hiện tài sản thế chấp là có thật, cụ thể về diện tích, hình thể, vị trí thửa đất, tài sản gắn liền với thửa đất và tên người sử dụng đất phù hợp với nội dung trong hợp đồng thế chấp.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các bị đơn đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng họ vẫn không có mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng qui định pháp luật, tuy nhiên một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật không đầy đủ.

Về nội dung vụ án đề nghị hội đồng xét xử: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1). Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng nên buộc phải thanh toán ngay cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2024 anh, chị đã trả được 53.760.723 đồng tiền lãi và còn nợ cả gốc và lãi là 625.449.389 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.219.874 đồng và lãi quá hạn là 71.229.515 đồng và các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi khách hàng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng từ ngày 19/9/2024 theo hợp đồng đã ký.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp nêu trên.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng. Cụ thể: Chi phí thẩm định: Bị đơn phải chịu trách nhiệm trả lại toàn bộ chi phí thẩm định tài sản thế chấp cho Nguyên đơn.

Án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1, Điều cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án huyện huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

- Về việc xét xử vụ án vắng mặt các đương sự: Bị đơn anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do mặc dù

đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng. Mục đích vay tiền để bổ sung vốn Kinh doanh. Tuy nhiên bị đơn (Bên vay) không có giấy phép kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) và trên thực tế không có kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận theo qui định tại khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 điều 6 Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử xác định đây là loại tranh chấp về Dân sự. Do đó cần áp dụng các qui định tranh chấp dân sự để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 14/02/2023, anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 đã ký và thực hiện hợp đồng tín dụng cấp hạn mức vay vốn số 23/2023/HĐHM-CN HSB.120207 với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền: 550.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng có đầy đủ chữ ký của bị đơn anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Quỳnh. Ngân hàng đã thực hiện giải ngân và anh H1 và chị Q1 đã thừa nhận khoản nợ. Các bên đương sự ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng không trái quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 18/9/2024 anh, chị đã trả được 53.760.723 đồng tiền lãi và còn nợ cả gốc và lãi là 625.449.389 đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.219.874 đồng và lãi quá hạn là 71.229.515 đồng và các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi khách hàng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần bị đơn anh H1 không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên bị đơn chị Q1 đã đến toà trình bày ý kiến thừa nhận khoản nợ trên là đúng.

Xét lý do yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn thấy rằng: Quá trình vay vốn và trả nợ bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi, nợ gốc và đã bị Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đến làm việc tại nhà và gửi thông báo thu hồi nợ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nợ. Ngân hàng đã thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ và chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi là để quá hạn trả vốn là đúng và đã vi phạm các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng.

Xét việc bị đơn đề nghị được thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng là xin Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng có thời gian làm để trả nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa Đại diện nguyên đơn không chấp nhận đề nghị trên của bị đơn mà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Do vậy, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với luật tố chức tín dụng và luật dân sự nên cần chấp nhận buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP S các khoản tiền trên. Kể từ ngày 19/9/2024, Bị đơn còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế chưa trả

theo hợp đồng đã ký cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

[3.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo của khoản vay, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 107/2020/HĐTC-CN/HSB.120207 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số PL 01-107/2020/HĐTC-CN/HSB.120207 ngày 14/02/2023 đã ký với S1 được công chứng tại Văn phòng C1, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo số công chứng 1990, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/9/2020 và theo số công chứng 240, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/2/2023. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 11/9/2020 theo hồ sơ số TC05745 được giao kết bởi các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, Nội dung hợp đồng do các bên tự nguyện xác lập phù hợp với các qui định của pháp luật. Tại điều 2 của hợp đồng thế chấp trên đã xác định bên thế chấp đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất hợp pháp của mình để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng (gồm nợ gốc, nợ lãi, phí và các khoản phải trả, nghĩa vụ tài chính khác).

Sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định tại các điều 323, 342, 343 và điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 về việc bảo lãnh, phù hợp với các Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm; Nghị định 21/2021/NĐ - CP ngày 19/3/2021 về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Như vậy hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn phù hợp pháp luật, nên cần được chấp nhận.

Trường hợp Bị đơn không trả được nợ thì: Tài sản bảo đảm sẽ được kê biên, phát mại để bảo đảm thi hành án là phù hợp với các điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 điều 292; 295, 299,323,357,401,463,466 và điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên tòa không xem xét.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP S (S1) đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng, số tiền này đã chi phí hết. Việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy cần buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên.

- Án phí: Buộc Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, chi phí tố tụng nên được trả lại số tiền tạm ứng đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

Điều 147,157,158, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 292; 295, 299, 323, 342, 343, 357, 401, 463, 466 và điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 102/2017/NĐ - CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm và Nghị định 21/2021/NĐ - CP ngày 19/3/2021 về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Chính phủ; Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1) đối với anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng .

2. Buộc anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (S1) các khoản tiền tính đến ngày 18/9/2024 là 625.449.389 đồng đồng. Trong đó số tiền gốc là 550.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.219.874 đồng và lãi quá hạn là 71.229.515 đồng.

Kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bị đơn) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cấp hạn mức vay vốn số 23/2023/HĐHM - CN HSB.120207 ký kết ngày 14/02/2023 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Khi anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 đã trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP S (S1) có trách nhiệm trả lại cho anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 các giấy tờ sau: Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CP 644062, số vào sổ cấp GCN: CH 02425 do UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 09/7/2019 cho anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1

3. Xử lý tài sản đảm bảo: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP S (S1) có quyền xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất 255 m² đất tại Thửa đất số 79 (Tách từ thửa số 24); tờ bản đồ số 32 tại Xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 644062 do UBND huyện Y cấp ngày 09/07/2019 cho anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1. Tài sản này đã được thế chấp tại SHB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 107/2020/ HĐTC - CN/HSB.120207; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số PL 01-107/2020/HĐTC-CN/HSB.120207 ngày 14/02/2023 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Sau khi xử lý tài sản đảm bảo, số tiền phát mại tài sản bảo đảm có giá trị lớn hơn số tiền bị đơn phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) và thanh toán án phí, lệ phí và chi phí tố tụng thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả lại cho bị đơn anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Quỳnh . Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì anh Phạm

Văn H1 và chị Hà Thị Q1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định chung của pháp luật. Trong quá trình xử lý tài sản thế chấp nêu trên thì những người thực tế đang sinh sống, quản lý, trông coi hoặc kinh doanh trên thửa đất đều phải có nghĩa vụ chấp hành bản án.

Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu) đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn anh Phạm Văn H1 và chị Hà Thị Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với hợp đồng tín dụng cấp hạn mức vay vốn số 23/2023/HĐHM-CNHSB.120207 ký kết ngày 14/02/2023 là: 29.017.976 đồng.

Ngân hàng TMCP S (S1) được nhận lại số tiền 13.252.370 đồng (Mười ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002438 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6: Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Yên Thành;
- Chi cục THADS Yên Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Phú